

DANH SÁCH DOANH NGHIỆP SCIC BÁN VỐN GIAI ĐOẠN 2026-2030

Đơn vị: đồng

STT	Tên Doanh nghiệp	Vốn điều lệ	Vốn SCIC	Tỷ lệ SCIC
1	CTCP Thương mại tổng hợp Bà Rịa Vũng Tàu	31.642.320.000	4.848.020.000	15,32%
2	CTCP Thủy sản và Xuất nhập khẩu Côn Đảo	80.086.200.000	27.475.490.000	34,31%
3	CTCP Thương mại và Dịch vụ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	27.000.000.000	2.515.030.000	9,31%
4	CTCP Xây dựng tư vấn đầu tư Bình Dương	397.439.320.000	92.448.000.000	23,26%
5	CTCP Trà Bắc	108.183.740.000	49.413.730.000	45,68%
6	Công ty Cổ phần nông sản TPXK Cần Thơ	110.000.000.000	108.144.500.000	98,31%
7	CTCP Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ	124.856.000.000	123.301.000.000	98,75%
8	CTCP Nhân lực quốc tế Sovilaco	32.708.580.000	24.531.430.000	75,00%
9	CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản An Giang	281.097.430.000	23.168.920.000	8,24%
10	CTCP Xây dựng và dịch vụ công cộng Bình Dương	125.000.000.000	37.500.000.000	30,00%
11	CTCP Thiết bị phụ tùng Sài Gòn	203.528.360.000	5.166.550.000	2,54%
12	CTCP Vật liệu Xây dựng Bến Tre	40.490.060.000	20.146.260.000	49,76%
13	CTCP Xây dựng và phát triển đô thị Cần Thơ	8.000.000.000	3.775.000.000	47,19%
14	CTCP Đầu tư và Xây lắp Cần Thơ	20.837.700.000	8.649.420.000	41,51%
15	CTCP Đầu tư và Dịch vụ Thăng Long	88.400.000.000	3.006.300.000	3,40%
16	CTCP Đóng tàu và dịch vụ dầu khí Vũng Tàu	110.000.000.000	53.500.000.000	48,64%
17	Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP	1.270.000.000.000	509.001.000.000	40,08%
18	CTCP Cảng An Giang	138.000.000.000	73.116.000.000	52,98%
19	CTCP Công trình Giao thông Bình Thuận	20.685.950.000	19.051.770.000	92,10%
20	CTCP Công trình GTVT Quảng Nam	27.000.000.000	14.526.000.000	53,80%
21	CTCP Bến xe Kon Tum	32.797.400.000	31.822.900.000	97,03%
22	CTCP vật liệu xây dựng khoáng sản Bình Thuận	52.445.180.000	34.886.810.000	66,52%
23	CTCP Đầu tư Xuất nhập khẩu Đắk Lắk	70.000.000.000	6.490.000.000	9,27%
24	CTCP Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nhà Đắk Lak	6.498.000.000	1.039.730.000	16,00%
25	CTCP Du lịch Quảng Ngãi	158.139.440.000	4.374.560.000	2,77%



STT	Tên Doanh nghiệp	Vốn điều lệ	Vốn SCIC	Tỷ lệ SCIC
26	CTCP Cảng Thuận An	4.600.000.000	3.042.570.000	66,14%
27	CTCP Cảng Quảng Bình	8.900.000.000	7.966.000.000	89,51%
28	CTCP Nhiệt điện Phả Lại	3.262.350.000.000	627.300.000	0,02%
29	Tổng công ty XDCT Giao thông 8 (Cienco 8)	1.280.000.000.000	108.682.380.000	8,49%
30	CTCP Cung ứng nhân lực quốc tế và thương mại	97.299.300.000	95.658.300.000	98,31%
31	CTCP Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Thái Nguyên	140.833.570.000	139.199.570.000	98,84%
32	CTCP Xuất nhập khẩu và Hợp tác đầu tư giao thông vận tải	237.350.000.000	231.105.000.000	97,37%
33	Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP	357.744.480.000	312.377.480.000	87,32%
34	CTCP Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng Hải Phòng	10.820.000.000	976.320.000	9,02%
35	CTCP ACS Việt Nam	108.000.000.000	32.633.110.000	30,22%
36	CTCP Tư vấn xây dựng Bắc Kạn	3.855.000.000	1.156.500.000	30,00%
37	CTCP Vận tải, dịch vụ và xây dựng Bắc Kạn	2.094.700.000	300.418.000	14,34%
38	Trường Đại học Công Nghiệp Vinh	139.500.000.000	21.900.000.000	15,70%
39	CTCP Đầu tư và Phát triển miền Trung	100.861.840.000	12.161.060.000	12,06%
40	CTCP Giải trí quốc tế Lợi Lai	132.960.322.036	32.495.502.706	24,44%
41	CTCP Cảng quốc tế Lào Việt	470.000.000.000	63.450.000.000	13,50%
42	CTCP Tư vấn đầu tư và đầu tư Việt Nam	60.000.000.000	18.000.000.000	30,00%
43	Tổng công ty Licogi	900.000.000.000	366.406.910.000	40,71%
44	CTCP Bệnh viện Giao thông vận tải	535.752.107.823	381.078.307.823	71,13%
45	Tổng CTCP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	550.000.000.000	455.125.000.000	82,75%
46	CTCP XNK Y tế Domesco	347.274.650.000	120.544.670.000	34,71%
47	CTCP GP9	33.455.720.000	2.126.290.000	6,36%
48	CTCP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong	1.710.382.200.000	634.636.570.000	37,10%
49	Tổng công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP (Seaprodex)	1.250.000.000.000	792.280.000.000	63,38%
50	CTCP Thương mại Tổng hợp Bắc Giang	2.800.000.000	1.237.700.000	44,20%
51	CTCP Khảo sát, Thiết kế, Xây dựng Cao Bằng	2.000.000.000	240.000.000	12,00%

STT	Tên Doanh nghiệp	Vốn điều lệ	Vốn SCIC	Tỷ lệ SCIC
52	CTCP Xây dựng và PTNT II Cao Bằng	3.504.689.777	1.664.220.000	47,49%
53	CTCP Kỹ thuật tài nguyên và môi trường Sơn La	4.150.000.000	996.000.000	24,00%
54	Tổng công ty Thiết bị y tế Việt Nam - CTCP	125.689.000.000	17.600.000.000	14,00%
55	CTCP CNTT, VT và tự động hóa dầu khí PVTech	42.352.900.000	5.761.200.000	13,60%
56	CTCP Sách Việt Nam	679.099.600.000	67.909.960.000	10,00%
57	CTCP Du lịch và Xúc tiến đầu tư	74.954.700.000	7.515.460.000	10,03%
58	CTCP Tư vấn Biển Việt	20.044.500.000	2.539.800.000	12,67%
59	CTCP Nông sản Agrexim	69.107.860.000	21.257.589.105	30,76%
60	CTCP Thiết bị Khí tượng Thủy văn và Môi trường Việt Nam (Hymetco)	3.500.000.000	1.575.000.000	45,00%
61	CTCP Nhựa Việt Nam	194.289.130.000	127.943.420.000	65,85%
62	CTCP Giao nhận kho vận ngoại thương	268.000.000.000	266.566.000.000	99,46%
63	CTCP TRAENCO	16.603.400.000	3.216.380.000	19,37%
64	Tập đoàn Dệt May Việt Nam	5.000.000.000.000	2.674.381.000.000	53,49%
65	Tổng công ty Thép Việt Nam	6.780.000.000.000	6.368.440.340.000	93,93%
66	CTCP Xây dựng và Xuất nhập khẩu tổng hợp	63.000.000.000	37.909.000.000	60,17%